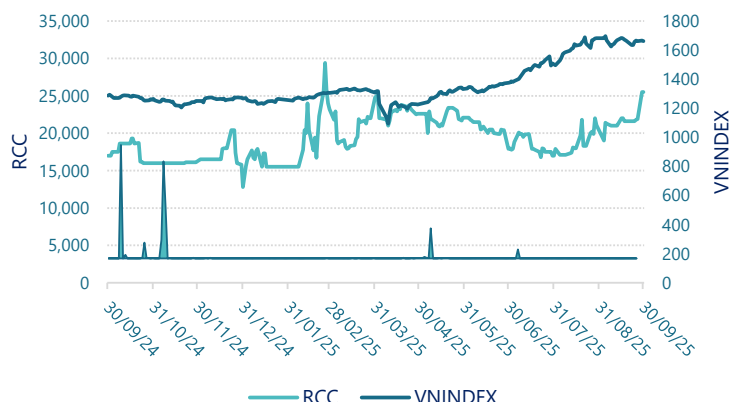


CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	25,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
SL cổ phiếu LH	32,064,749
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225,808
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	818
P/E	-25.6
EPS	-997

DT thuần

Q3/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▼37.0| -23.7%

YoY: ▼91.0| -43.2%

LN sau thuế

Q3/25

2.84

tỷ VNĐ

QoQ: ▲11.9| 132%

YoY: ▼0.23| -7.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.7%

+/- YoY: ▲6.4%

DT thuần

9T 2025

349

tỷ VNĐ

YoY: ▼176| -33.6%

LN sau thuế

9T 2025

-27.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.5| -594%

ROE

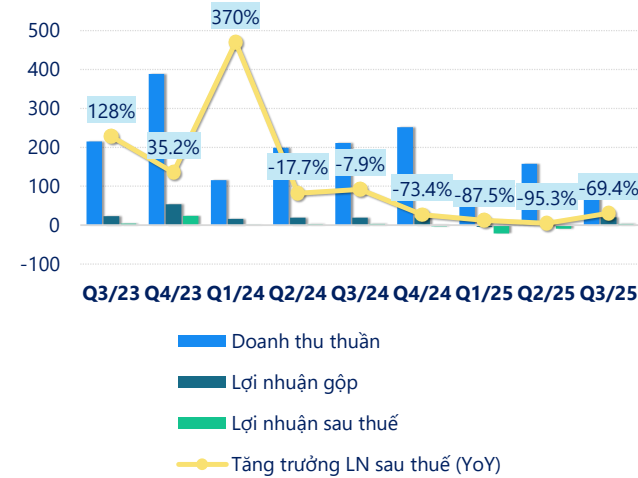
Q3/25

-8.1%

+/- YoY: ▼14.9%

tỷ VNĐ

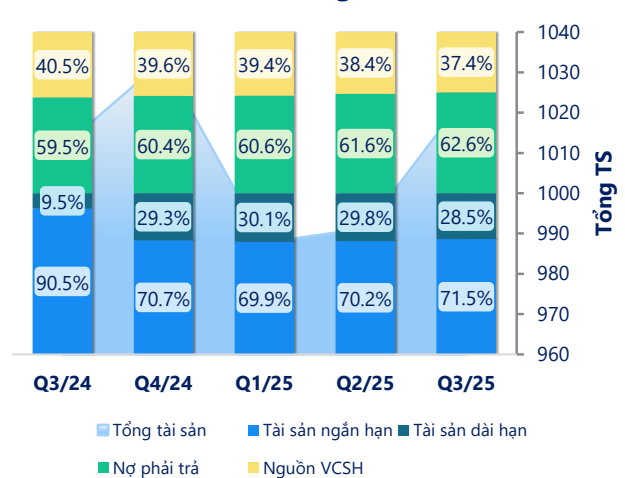
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

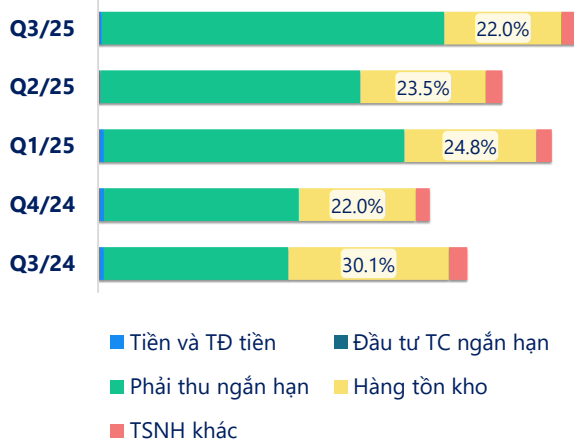
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



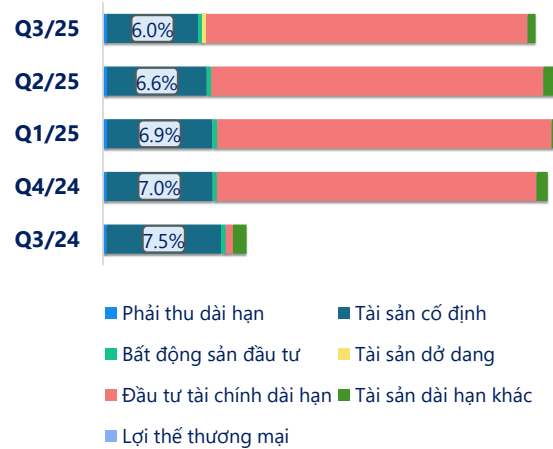
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

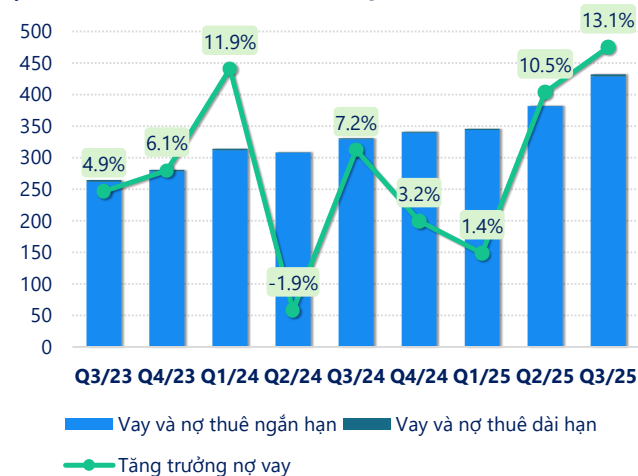
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

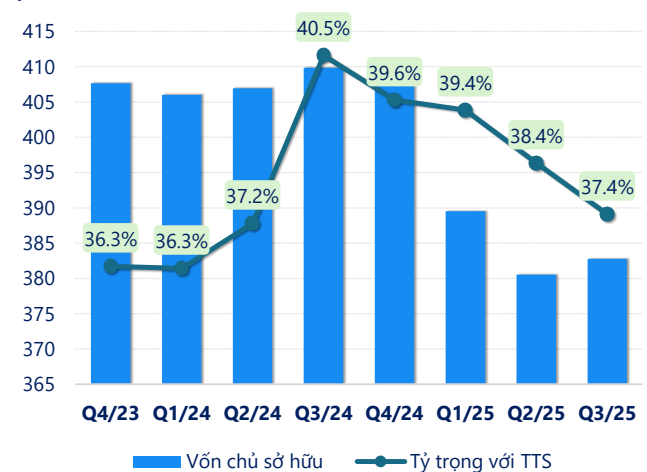
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

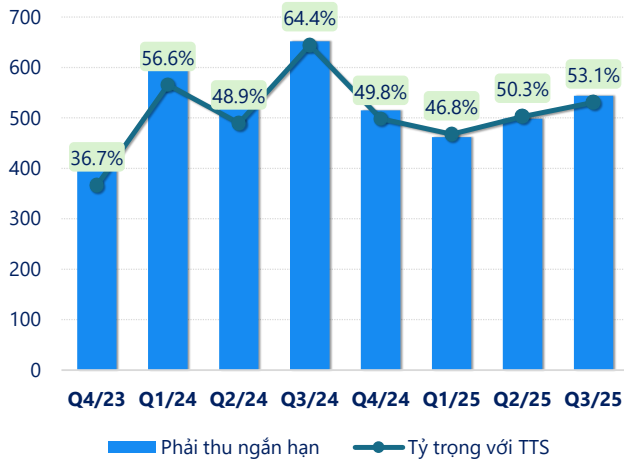
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



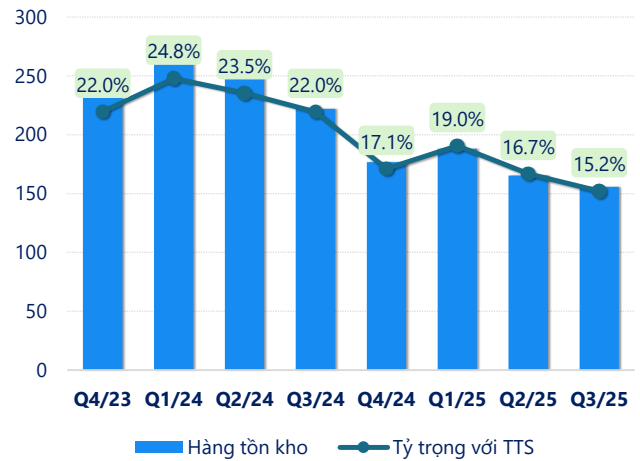
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


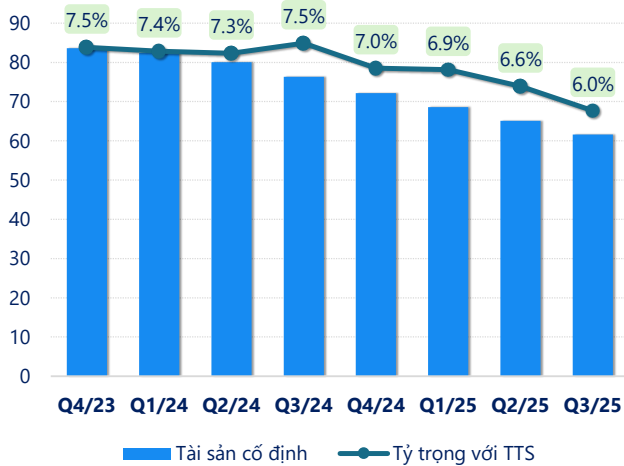
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


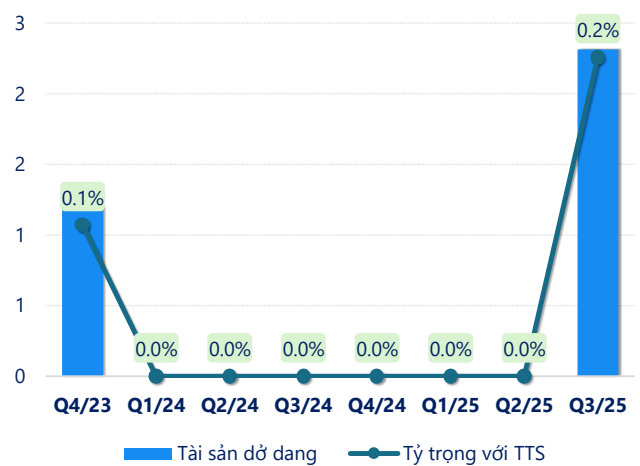
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

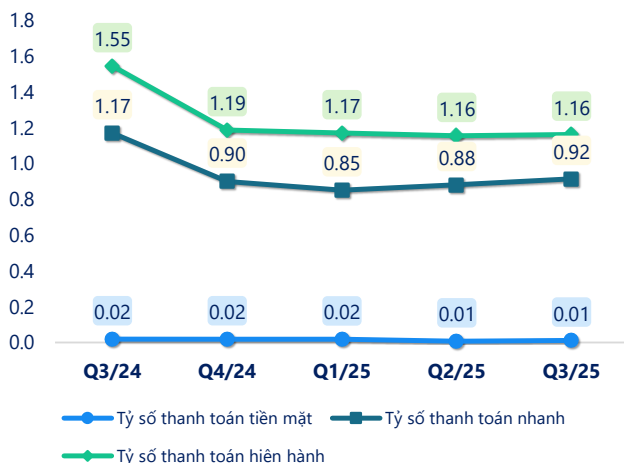
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

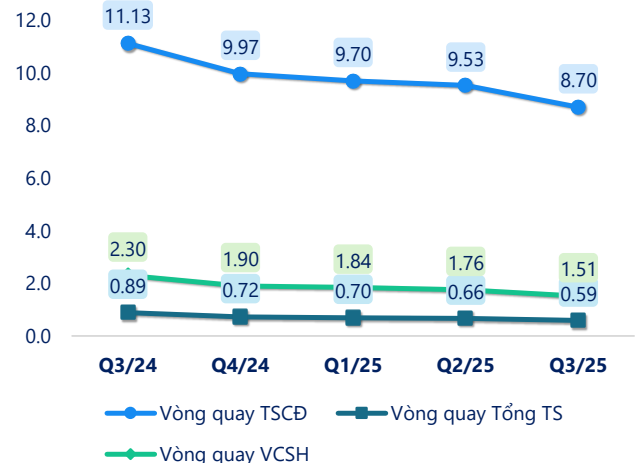
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,011	1,033	988	991	1,024
Tài sản ngắn hạn	916	731	690	696	733
Tiền và tương đương tiền	11.2	11.6	10.5	4.30	7.22
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	652	515	462	498	544
Hàng tồn kho	222	177	188	165	156
Tài sản ngắn hạn khác	30.7	27.4	29.3	28.2	25.8
Tài sản dài hạn	95.7	302	298	295	292
Phải thu dài hạn	2.33	2.38	2.57	2.57	2.57
Tài sản cố định	76.3	72.1	68.6	65.1	61.6
Bất động sản đầu tư	3.02	2.99	2.97	2.95	2.92
Tài sản dở dang	0	0	0	0	2.31
Đầu tư tài chính dài hạn	4.85	217	218	217	217
Tài sản dài hạn khác	9.15	7.66	6.07	7.86	5.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	602	624	598	611	641
Nợ ngắn hạn	593	615	590	602	630
Vay và nợ thuê ngắn hạn	329	340	344	382	429
Phải trả người bán ngắn hạn	169	195	173	156	131
Nợ dài hạn	8.90	8.35	8.68	8.32	11.3
Vay và nợ thuê dài hạn	1.45	1.20	1.84	0.44	3.15
Nguồn vốn chủ sở hữu	410	409	390	381	383
Vốn chủ sở hữu	410	409	390	381	383
Vốn điều lệ	321	321	321	321	321
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)